TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – KHÁNH HÒA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 93/2026/DS-ST
Ngày: 07 - 9 - 2026
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu .

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Minh Doanh.

2. Ông Trương Thành Quang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Mạnh Long – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 – Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 273/2026/TLST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2026 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 126/2026/QĐXXST-DS, ngày 29 tháng 7 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 86/2026/QĐST-DS, ngày 18 tháng 8 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN V (viết tắt: V1).

Địa chỉ trụ sở: H L, phường Đ, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Anh T – Chức vụ: Trưởng phòng Xử lý nợ Pháp lý Khách hàng cá nhân – Ngân hàng V, theo văn bản ủy quyền số 16/2026/UQN-CTQT ngày 27/3/2026 của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Châu Thiên Diễm M, chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ.

Địa chỉ: C T, phường P, tỉnh Khánh Hòa (theo văn bản ủy quyền số 762.04/2026/UQ-KHCN3-RCC4 ngày 01/4/2026 của Ngân hàng TMCP V) (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Lã Thanh T1, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Tổ dân phố L, phường Đ, tỉnh Khánh Hòa (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/4/2026, trong quá trình tham gia tố tụng đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 21/01/2022, ông Lã Thanh T1 có ký với Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần V (gọi tắt là Ngân hàng) Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số LN2201215135897, số tiền vay/hạn mức 24.000.000 đồng, mục đích vay: tiêu dùng cá nhân, thời hạn vay: 60 tháng, lãi suất 47.88%/năm. Ngày 21/01/2022, ngân hàng đã giải ngân số tiền 24.000.000 đồng vào tài khoản của ông T1.

Tính từ ngày 28/12/2021 đến ngày 27/11/2025, ông T1 đã sử dụng tổng số tiền 62.056.585 đồng, tổng số tiền đã trả là 68.068.041 đồng, trong đó tiền gốc là 31.620.118 đồng, tiền lãi 29.246.773 đồng và tiền phí 7.201.150 đồng. Từ ngày 13/12/2025, ông T1 đã vi phạm nghĩa vụ hợp đồng, vì thế ngân hàng chuyển toàn bộ dư nợ thành nợ quá hạn. Từ ngày 28/11/2025 đến ngày 07/9/2026, ông T1 tiếp tục trả 217.141 đồng, trong đó tiền gốc 0 đồng, tiền lãi 217.141 đồng.

Tính đến ngày 07/9/2026, tổng số tiền ông T1 đã sử dụng 62.056.585 đồng, tổng số tiền đã trả là 68.285.182 đồng, trong đó tiền gốc là 31.620.118 đồng, tiền lãi 29.463.914 đồng và tiền phí 7.201.150 đồng. Ông T1 còn phải thanh toán tổng số tiền là 44.820.833 đồng, trong đó tiền gốc 30.436.467 đồng, tiền lãi 14.384.366 đồng.

Do ông T1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán Ngân hàng đã nhiều lần làm việc với ông T1 yêu cầu ông có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn tuy nhiên đến nay ông T1 vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng.

Vì vậy, Ngân hàng đã khởi kiện ông T1 ra Tòa án. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng bà Châu Thiên Diễm M đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông T1 phải trả cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 07/9/2026 là 44.820.833 đồng và phải thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 08/9/2026 trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo lãi suất quy định tại Hợp đồng cho đến khi thanh toán hết dư nợ.

Bị đơn ông Lã Thanh T1: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông T1 nhưng ông T1 không đến Tòa án làm việc và không có ý kiến phản hồi gì liên quan đến tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn chưa thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS).

Về nội dung vụ án: Đề nghị buộc ông T1 phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 07/9/2026 là 44.820.833 đồng và phải thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 08/9/2026 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng. Ngoài ra, đương sự chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T1 phải trả tiền nợ gốc, nợ lãi phát sinh từ Hợp đồng tín dụng, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo khoản 3 Điều 26 của BLTTDS. Bị đơn có nơi cư trú tại phường Đ, tỉnh Khánh Hòa, căn cứ Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Khánh Hòa.

[1.2]. Về sự vắng mặt của bị đơn: Tòa án đã thực hiện thủ tục tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn ông T1 nhưng ông T1 không đến tham gia tố tụng mặc dù đã được tống đạt, triệu tập hợp lệ. Tại phiên tòa, ông T1 vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với ông Lã Thanh T1, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về tính hợp pháp của hợp đồng tín dụng: Căn cứ vào Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tính dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 21/01/2022, thu nhập của ông T1, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 24.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng cá nhân. Chủ thể ký kết hợp đồng có năng lực pháp luật dân sự, hình thức, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội nên Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 21/01/2022 là hợp pháp, có hiệu lực.

[2.2] Về mức lãi suất áp dụng: Mặc dù mức lãi suất không quy định cụ thể trong Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 21/01/2022 tuy nhiên ngân hàng đã thông báo, niêm yết công khai mức lãi suất tại thời điểm cho vay đối với hình thức sử dụng thẻ tín dụng, ông T1 đã biết và thanh toán tiền gốc và lãi từ ngày ký hợp đồng đến nay mà không khiếu nại gì. Xét thấy, mức lãi suất Ngân hàng áp dụng để tính lãi nợ vay của ông T1 là sự thoả thuận giữa hai bên và phù hợp với quy định pháp luật nên có căn cứ để chấp nhận.

[2.3] Đối với yêu cầu thanh toán tiền nợ gốc, nợ lãi:

Sau khi được cấp thẻ tín dụng hạn mức, ông T1 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 62.056.585 đồng, đã thanh toán cho Ngân hàng 68.285.182 đồng, trong đó tiền gốc là 31.620.118 đồng, tiền lãi 29.463.914 đồng và tiền phí 7.201.150 đồng. Sau khi trừ hết các khoản theo quy định trong quá trình sử dụng thẻ thì ông T1 còn nợ tiền gốc là 30.436.467 đồng. Do ông T1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 13/12/2025 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ số tiền còn nợ sang nợ quá hạn.

Nay, Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T1 phải trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (07/9/2026) tổng cộng là 44.820.833 đồng, trong đó, nợ gốc: 30.436.467 đồng, nợ lãi 14.384.366 đồng là phù hợp với Hợp đồng tín dụng đã ký kết, đồng thời phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466, 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự nên có cơ sở chấp nhận.

Đối với yêu cầu của Ngân hàng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông T1 còn phải tiếp tục chịu lãi suất của số tiền nợ gốc phát sinh từ ngày 08/9/2026 theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong hợp đồng tín dụng. Xét thấy yêu cầu này của Ngân hàng phù hợp với các nội dung mà các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng nên chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng.

[2.4] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông T1 có nội dung thể hiện Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T1 phải trả số tiền vay còn nợ bao gồm nợ gốc, nợ lãi phát sinh từ hợp đồng tín dụng nhưng ông T1 không có văn bản trình bày ý kiến và cũng không phản đối những tình tiết, sự kiện cũng như những tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng xuất trình nên có cơ sở khẳng định ông T1 đã từ bỏ quyền của mình được pháp luật quy định.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự;

- Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng;

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần V.

1. Buộc ông Lã Thanh T1 phải trả cho Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần V số tiền tính đến ngày 07/9/2026 là 44.820.833 đồng (Bằng chữ: bốn mươi bốn triệu tám trăm hai mươi nghìn tám trăm ba mươi ba đồng) trong đó: Số tiền gốc là: 30.436.467 đồng, số tiền lãi là: 14.384.366 đồng.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 08/9/2026), ông T1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quá hạn đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đối với số tiền nợ gốc chưa thanh toán, tương ứng với thời gian chậm thanh toán cho đến khi ông T1 thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Về án phí:

Ông Lã Thanh T1 phải chịu 2.241.042 đồng (hai triệu hai trăm bốn mươi mốt nghìn không trăm bốn mươi hai đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.046.000 đồng (một triệu không trăm bốn mươi sáu nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003654 ngày 08/5/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34, 36 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai có mặt nguyên đơn, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (07/9/2026). Bị đơn vắng mặt, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND khu vực 5 – Khánh Hòa;
- THADS tỉnh Khánh Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Diệu